

Số: 127/TRICC-CV/TTNCPT&TNKSCT

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2026

V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt  
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

## CÔNG BỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

**Kính gửi:** Sở xây dựng Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 5794/SXD-GDCL ngày 20/03/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội về việc công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

### **1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1.1 Tên tổ chức:** CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104570 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19, ngày 17/11/2025. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 26, ngõ 371, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện pháp luật: ĐẶNG TUẤN CƯỜNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 024.37714276

Email: tricc-jsc@tricc.vn

Mã số thuế: 0100104570

Website: tricc.vn

### **1.2 Thông tin Phòng thí nghiệm:**

*flm*

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ THÍ NGHIỆM

Địa chỉ: Số 26, ngõ 371, phố Kim Mã, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Trưởng phòng: PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 24.059 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận số 41/GCN-SXD(GĐCL) ngày 03/07/2024 và Giấy chứng nhận số 19/GCN-SXD ngày 22/05/2025).

**2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng**

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
<b>I</b>	<b>Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất đá trong phòng</b>			
1	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm, ....	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
2	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012 ASTM D2435, D2937 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014 ASTM C136, ASTM D1140, ASTM 422 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
4	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
5	Xác định giới hạn chảy và giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012 ASTM D4318 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Thiết bị Casagrande bộ Vaxilieps, dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
6	Xác định tính nén lún (không nở hông)	TCVN 4200:2012 ASTM D2435, D3877 TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử , ...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
		GB/T50123-2019		
7	Xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995 ASTM D3080 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 ASTM D1557, D698 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thanh thép gạt, dụng cụ trộn mẫu, hộp giữ ẩm,...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
9	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
10	Xác định chỉ tiêu của đất trên máy ba trục (Sơ đồ UU, CU, CD)	TCVN 8868:2011 ASTM D2850, ASTM D4767 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Máy nén ba trục, thiết bị chế tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	Mai Thị Lan Phuong, Phạm Thị Bích Hồng
11	Xác định hệ số thấm của đất và cát	TCVN 8723:2012 ASTM D2434 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
12	Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Máy đầm tự động, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thanh thép gạt, dụng cụ trộn mẫu, hộp giữ ẩm,...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
13	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020 ASTM D1883 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng,...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
14	Xác định góc nghỉ tự nhiên của	TCVN 8724:2012 TB 10102-2023	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa	Mai Thị Lan Phuong, Lê

*Sh*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
	đất rời (khô, bão hòa)	GB/T50123-2019	nước, sàng, chày gỗ, cối và chày sứ,...	Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
15	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 ASTM D2974 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Lò nung, tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
16	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất, nhỏ nhất của đất rời.	TCVN 8721:2012 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thanh thép gạt, dụng cụ trộn mẫu, hộp giữ ẩm,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
17	Xác định mô đun đàn hồi E của đất	Phụ lục B & C 22TCN211-06 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Dụng cụ chế bị mẫu, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ biến dạng,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
18	Xác định đặc trưng tan rã	TCVN 8718:2012 ASTM D4647 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
19	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012 ASTM D4546 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
20	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012 ASTM D955 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
21	Xác định độ bền nén một trục của đá	TCVN10324-2014 ASTM D2938 TB 10115-2023 GB/T50123-2019	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...	Mai Thị Lan Phương, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
22	Xác định đặc trưng trương nở của đá	TCVN 8719:2012 ASTM D4546 TB 10115-2023 GB/T50123-2019	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	Mai Thị Lan Phuong, Lê Anh Tùng, Phạm Thị Hồng
<b>II Thí nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa</b>				
23	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,..	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ASTM C128 TB 10115-2023 GB/T50123-2019	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
25	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
26	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006 ASTM C29	Bộ dụng cụ xác định thể tích, cân điện tử, khay đựng mẫu,....	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
27	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
28	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006 ASTM C117 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng

*Handwritten signature*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
29	Tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40	Lò nung, tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
30	Xác định cường độ (kháng nén, kháng uốn, kháng kéo và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572:10:06 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
31	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles, độ cứng của đá.	TCVN 7572-12:2006 ASTM C131, C535 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
32	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước kẹp, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
33	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	TCVN 7572-17:2006 TB 10102-2023 GB/T50123-2019	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
34	Xác định hàm lượng hạt đập vỡ	TCVN 7572-18:2006 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
35	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006 TB 10102-2023 TB-10115-2023 GB/T50123-2019	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	Lê Anh Hiếu, Phạm Thị Hồng, Lê Anh Tùng
<b>III</b>	<b>Thí nghiệm hiện trường</b>			
36	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất bằng phương	TCVN 8861:2011 ASTM D4695, D1195	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ so, cát sạch, thước nivo, tấm ép tiêu chuẩn đường	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chinh

*Handwritten signature*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
	pháp sử dụng tấm ép cứng		kính 76, 61,46,33 (cm)	
37	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4695	Cần đo võng Benkelman, Đồng hồ SO, kích thủy lực	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
38	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0m	TCVN 8864:2011 ASTM E950, E1082	Bộ thước 3m	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
39	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai (Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất)	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012 ASTM D2937	Cân chính xác 1g, sàng 5mm, dao gạt đất, dao dai, búa, bàn chải lông	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
40	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường (phương pháp rót cát)	TCVN 8729:2012 ASTM D1556	Bộ phễu rót cát, cân 15kg, cát tiêu chuẩn	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
41	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính(FVT)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573	Bộ thí nghiệm cắt cánh	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
42	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát – Thử nghiệm	TCVN 8866:2011 ASTM E965	Bộ thử độ nhám, thước dài 500mm, thiết bị đo chuyển vị	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
43	Thí nghiệm xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN9354:2012 ASTM D1194, D4395	Tấm nén, thiết bị chất tải, kích thủy lực, thiết bị đo chuyển vị	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
44	Xác định chỉ số CBR của nền đất	TCVN 8821:2011 ASTM D4429	Bộ thiết bị CBR hiện trường	Lê Anh Tùng, Lê Thế Tài, Lão Văn Chính
<b>IV</b>	<b>Thử nghiệm hóa nước cho xây dựng</b>			
45	Kiểm tra và xác định độ màu	TCVN 6185:2015 TB 10104-2003		Phạm Thị Bích Hồng

*Shu*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị	Thí nghiệm viên
		GB/T50123-2019		
46	Xác định độ pH, nhiệt độ	TCVN 4506:2012 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Bình đựng mẫu, nhiệt kế, máy đo pH, que khuấy, thuốc thử	Phạm Thị Bích Hồng
47	Xác định hàm lượng ion Clorua	TCVN 4506:2012 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Cốc mở, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	Phạm Thị Bích Hồng
48	Xác định hàm lượng ion Sunphat	TCVN 4506:2012 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Cối và chày sứ, 8ang phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet,...	Phạm Thị Bích Hồng
49	Xác định hàm lượng Canxi	TCVN 6198:1996 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Cốc mở, lò nung, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng,	Phạm Thị Bích Hồng
50	Xác định tổng lượng Canxi và Magiê	TCVN 6224:1996 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Cốc mở, lò nung, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng,	Phạm Thị Bích Hồng
51	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012 TB 10104-2003 GB/T50123-2019	Cốc mở, lò nung, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng,	Phạm Thị Bích Hồng

## 2.2 Danh mục thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng (thiết bị)	Ngày hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Cân điện tử Ohaus (sai số 0.01g)	Mỹ	01	25/02/2026	
2	Cân điện tử Labex (sai số 0.001g)	Trung Quốc	01	25/02/2026	
3	Sàng vật liệu lỗ vuông	Trung Quốc	02	25/02/2026	
4	Sàng vật liệu lỗ tròn	Trung Quốc	02	25/02/2026	
5	Tủ sấy DT-66	Trung Quốc	01	25/02/2026	
6	Tủ sấy 101-3AB	Trung Quốc	01	25/02/2026	
7	Lò nung SX5-12	Trung Quốc	01	25/02/2026	

*Handwritten signature*

STT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng (thiết bị)	Ngày hiệu chuẩn	Ghi chú
8	Thiết bị xác định giới hạn chảy Casagrande	Việt Nam	4	25/02/2026	
9	Thiết bị xác định giới hạn chảy Vaxilieps	Việt Nam	4	25/02/2026	
10	Máy cắt phẳng	Trung Quốc	02	25/02/2026	
11	Máy nén tam liên (1 dàn 3 máy)	Trung Quốc	21 dàn (63 máy)	25/02/2026	
12	Đồng hồ đo biến dạng	Trung Quốc	94	25/02/2026	
13	Tỷ trọng kế	Trung Quốc	2	25/02/2026	
14	Bộ Vaxilieps	Việt Nam	4	25/02/2026	
15	Máy nén ba trục	Italy	01	25/02/2026	
16	Máy thử độ bền nén C13B02	Controls – Italia	01	25/02/2026	
17	Máy nén CBR	Trung Quốc	01	25/02/2026	
18	Máy mài mòn LosAngeles	Việt Nam	01	25/02/2026	
19	Cần đo Benkelman	Việt Nam	01	25/02/2026	
20	Thiết bị cắt cánh		01	25/02/2026	
21	Thiết bị đo góc nghỉ	Trung Quốc	02		
22	Bộ thí nghiệm thấm của đất	Trung Quốc	01		
23	Bộ thí nghiệm thấm của cát	Trung Quốc	01		
24	Bộ thí nghiệm trương nở đá	Trung Quốc	01		
25	Bộ thí nghiệm trương nở đất	Trung Quốc	05		
26	Bộ máy đầm chặt tiêu chuẩn và chế bị CBR của đất đá	Trung Quốc	01		
27	Bộ thí nghiệm rắc cát hiện trường	Trung Quốc	02		
28	Bơm hút chân không	Trung Quốc	01		
29	Thước kẹp điện tử	Trung Quốc	03		
30	Cối Proctor đầm nén tiêu chuẩn	Việt Nam	05		
31	Cối Proctor đầm nén cải tiến	Việt Nam	05		
32	Khuôn CBR bằng thép mạ	Việt Nam	05		

*Shm*

STT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Số lượng (thiết bị)	Ngày hiệu chuẩn	Ghi chú
33	Máy khoan lấy mẫu bê tông nhựa	Việt Nam			
34	Máy cưa mẫu đá bê tông	Việt Nam			
35	Bếp điện cách cát	Việt Nam	02		
36	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm	Việt Nam	100		
37	Hộp nhôm thí nghiệm chảy dẻo	Việt Nam	100		
38	Bát sứ, bát men và đĩa men	Việt Nam	Nhiều		
39	Chày cối sứ, chày cao su gia công mẫu	Việt Nam	Nhiều		
40	Dao vòng lấy mẫu	Việt Nam	100		
41	Dụng cụ bảo hòa mẫu	Việt Nam	10		
42	Bộ dụng cụ lấy mẫu hiện trường	Việt Nam			
43	Bàn đẩu ống mẫu thành mỏng	Việt Nam			
44	Bộ thí nghiệm ép tĩnh	Việt Nam	01		
45	Ống đong thể tích 2000ml ( 2 ống)	Việt Nam	10		
46	Ống đong thể tích 1000ml ( 30 ống)	Việt Nam	50		
47	Ống đong thể tích 500ml ( 30 ống)	Việt Nam	20		
48	Bình khối lượng riêng (30 bình)	Việt Nam	100		
49	Buret, pipet, chén sứ, ống đong, bình đong các loại, chất chỉ thị, và các hóa chất khác,...				
50	Máy tính, máy in, và các thiết bị văn phòng hỗ trợ khác,...				

*Shu*

### 2.3 Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng/ Chứng chỉ	Vị trí/ chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Phạm Thị Bích Hồng	11/11/1978	<p>1. Kỹ sư ĐCCT-ĐKT số A249158 do Trường Đại học Mở- Địa chất cấp ngày 04/09/2009.</p> <p>2. Chứng nhận Quản lý chất lượng Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 số 2024.01.27 do Công ty cổ phần tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế cấp ngày 18/01/2024</p> <p>3. Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT số 11.K59.18/QLPTN, do Trung tâm Đào tạo Thông tin thuộc Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp ngày 21/11/2018</p> <p>4. Chứng chỉ Thí nghiệm viên Kiểm tra tính chất hóa học của nước cho xây dựng. Số 05460-A04234B/VNĐ-TNV do Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp ngày 24/03/2024</p> <p>5. Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành XDGT 23.140.20/VKHCHN-TNV do Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp ngày 15/06/2020</p>	Trưởng phòng	Dài hạn	
2	Lê Thế Tài	23/09/1982	<p>1. Kỹ sư Địa chất thủy văn- ĐCCT số C707331 do Trường Đại học Mở- Địa chất cấp ngày 10/10/2005.</p> <p>2. Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành Giao thông, số 17033-A4578B/VNĐ-TNV do</p>	Thí nghiệm viên	Dài hạn	

*She*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng/ Chứng chỉ	Vị trí/ chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
			Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp ngày 21/12/2022			
3	Lão Văn Chinh	15/04/1983	1. Kỹ sư ĐCCT-ĐKT số C812007 do Trường Đại học Mở-Địa chất cấp ngày 15/09/2006. 2. Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành Giao thông, số 17032-A4578B/VNĐ-TNV do Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp ngày 21/12/2022	Thí nghiệm viên	Dài hạn	
4	Mai Thị Lan Phương	24/03/1970	1. Trung học chuyên nghiệp số B50896 do Trường Trung học Giao thông Vận tải khu vực I cấp ngày 30/09/1991. 2. Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành Giao thông, số 17027-A4578B/VNĐ-TNV do Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp ngày 21/12/2022	Thí nghiệm viên	Dài hạn	
5	Lê Anh Tùng	04/04/1983	1. Trung cấp nghề số 335/CĐGTVT-DN do Trường Cao đẳng GTVT cấp ngày 10/05/2010. 2. Chứng chỉ TNV chuyên ngành GT số 17036-A4578B/VNĐ-TNV do Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD Nhiệt Đới trường Đại học Xây dựng cấp ngày 21/12/2022	Thí nghiệm viên	Dài hạn	
6	Phạm Thị Hồng	17/06/1983	1. Kỹ sư ĐCCT-ĐKT số A0042162 do Trường Đại học Mở- Địa chất cấp ngày 13/09/2007	Thí nghiệm viên	1 năm	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng/ Chứng chỉ	Vị trí/ chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
			2. Chứng chỉ Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông số 03 K168 25/VKHCN-TNV cấp ngày 25/09/2025 do Viện Khoa học và Công nghệ GTVT cấp			
7	Lê Anh Hiếu	10/01/1980	1. Cử nhân Cao Đẳng số 278243 do trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp ngày 18/3/2003 2. Chứng chỉ Thí nghiệm viên Phương pháp xác định các tính chất cơ – lý của đất trong phòng và hiện trường số 323/2003/VKH-TNXD cấp ngày 23/10/2003 do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp	Thí nghiệm viên	1 năm	

### 3. Cam kết

Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng GTVT cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI**



**Tổng giám đốc**

**Đặng Tuấn Cường**

*Jhm*